

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mã cơ sở đào tạo: QHY

3. Địa chỉ trụ sở chính:

- Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội; Nhà Y1, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

- Năm học thứ nhất học tại cơ sở ĐHQGHN xã Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, Hà Nội, những năm sau về học tập tại cơ sở chính của Trường.

4. Website: ump.vnu.edu.vn

5. Số điện thoại tuyển sinh: 0243.7450.188 (số máy lẻ 621) hoặc 0911.430.050

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh & đề án tuyển sinh: ump.vnu.edu.vn

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...): ump.vnu.edu.vn

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT).
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành.
- Có hồ sơ đăng ký dự tuyển theo quy định.
- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Xét tuyển thẳng: Dành 2% chỉ tiêu xét tuyển thẳng cho đối tượng theo quy định của Bộ GD&ĐT với các thí sinh đáp ứng một trong các điều kiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thí sinh được Bộ GD&ĐT cử tham gia dự thi Olympic quốc tế, thi khoa học kỹ thuật quốc tế;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức với các đề tài thuộc lĩnh vực phù hợp với ngành xét tuyển. Hội đồng tuyển sinh của trường sẽ xem xét đề tài mà thí sinh đoạt giải để quyết định.
- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng phải có điểm trung bình chung môn Sinh học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt; đạt từ 7,0 trở

lên đối với các ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Điều dưỡng. Đối với ngành Dược học, thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Hóa học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên.

Nguyên tắc Xét tuyển thẳng: Xét theo thứ tự ưu tiên trên đây; xét từ giải cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp thí sinh cùng giải thưởng ở cuối danh sách sẽ sử dụng các tiêu chí phụ khác (nếu có) theo hướng dẫn của ĐHQGHN.

2.2. Ưu tiên xét tuyển: Cho đối tượng theo quy định của Bộ GD&ĐT cụ thể như sau:

- a) Thuộc đối tượng xét tuyển thẳng ở trên (mục 2.1) nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng.
- b) Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn HSG quốc gia;
- c) Thí sinh đoạt giải Tư trong cuộc thi KHKT cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức;

Thí sinh được ưu tiên xét tuyển, sẽ được cộng điểm khuyến khích vào tổng điểm ba bài thi/môn thi để xét tuyển, cụ thể điểm quy đổi được quy định ở Bảng 1, Phụ lục 1.

Thí sinh diện ưu tiên xét tuyển phải có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN và có điểm trung bình chung môn Sinh học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt; đạt từ 7,0 trở lên đối với các ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Điều dưỡng. Đối với ngành Dược học, thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Hóa học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên.

2.3. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo thang điểm 30 với tổ hợp xét tuyển cụ thể như sau:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Y khoa	7720101	B00 (Toán – Hóa học – Sinh học) D08 (Toán – Sinh học – Tiếng Anh)
2	Dược học	7720201	A00 (Toán – Vật lý – Hóa học) D07 (Toán – Hóa học – Tiếng Anh)
3	Răng hàm mặt	7720501	B00 (Toán – Hóa học – Sinh học) D08 (Toán – Sinh học – Tiếng Anh)
4	Kĩ thuật xét nghiệm y học	7720601	B00 (Toán – Hóa học – Sinh học) D08 (Toán – Sinh học – Tiếng Anh)

5	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	B00 (Toán – Hóa học – Sinh học) D08 (Toán – Sinh học – Tiếng Anh)
6	Điều dưỡng	7720301	B00 (Toán – Hóa học – Sinh học) D08 (Toán – Sinh học – Tiếng Anh)

- Thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và của ĐHQGHN.

2.4. Xét tuyển đối tượng học sinh dự bị đại học (dành 2% chỉ tiêu): Học sinh các trường dự bị đại học (đã được Nhà trường phân bổ chỉ tiêu bằng văn bản) phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điểm thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT đối với ngành đăng ký xét tuyển theo năm thí sinh tốt nghiệp THPT, cụ thể: Ngành Y khoa và Răng Hàm Mặt 22.5 điểm, ngành Dược học 21 điểm, các ngành còn lại 20 điểm.
- Kết quả trung bình chung các môn học chính khóa trong chương trình dự bị đại học: đạt từ 7.0 trở lên.
- Kết quả rèn luyện cả năm dự bị đại học: loại Tốt trở lên.

2.5. Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức năm 2025 thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Bài thi ĐGNL phải có chủ đề Sinh học đối với ngành Y khoa, Răng- Hàm- Mặt; Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật Hình ảnh y học, Điều dưỡng phải có chủ đề Hóa học đối với ngành Dược học.
- Thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Sinh học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt; đạt từ 7,0 trở lên đối với các ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Điều dưỡng. Đối với ngành Dược học, thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Hóa học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên.
- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

* **Điểm xét tuyển** là tổng điểm thi ĐGNL được quy đổi sang thang 30 theo hướng dẫn của ĐHQGHN, cộng điểm cộng và điểm ưu tiên đối tượng/khu vực (nếu có).

2.6. Xét tuyển theo phương thức khác:

2.6.1. Xét tuyển đối với thí sinh có chứng chỉ IELTS hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương đáp ứng các điều kiện sau:

- Chứng chỉ phải còn hạn sử dụng trong thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.
- Thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Sinh học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt; đạt từ 7,0 trở lên đối với các ngành Kỹ

thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Điều dưỡng. Đối với ngành Dược học, thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Hóa học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên.

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

- Chứng chỉ ngoại ngữ có thể được quy đổi thay cho môn thi trong tổ hợp xét tuyển tương ứng với ngành học: Điểm xét tuyển bằng tổng của điểm IELTS quy đổi cộng với điểm 2 môn còn lại trong 04 tổ hợp xét tuyển (B00 gồm: Toán, Sinh học; A00 gồm: Toán, Hóa học; D07 gồm: Toán, Hóa học; D08 gồm: Toán, Sinh học) cụ thể điểm quy đổi được quy định ở Bảng 2, Phụ lục I.

2.6.2. Xét tuyển theo cơ chế đặc thù của ĐHQGHN được quy định tại Quyết định số 1868/QĐ-ĐHQGHN:

2.6.2.1. *Đối tượng tham dự kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN* đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn thi: Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học, Ngoại ngữ (tiếng Anh), Khoa học kỹ thuật và phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hạnh kiểm 3 năm THPT đạt loại tốt.
- Có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên).
- Thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Sinh học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt; đạt từ 7,0 trở lên đối với các ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Điều dưỡng. Đối với ngành Dược học, thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Hóa học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên.
- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

Lưu ý: Với thí sinh đạt giải môn thi Khoa học kỹ thuật, Hội đồng tuyển sinh của trường sẽ xem xét đề tài mà thí sinh đoạt giải để quyết định.

2.6.2.2. *Đối tượng học sinh các trường THPT trên toàn quốc* tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học đạt giải Nhất, Nhì, Ba và đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hạnh kiểm 3 năm THPT đạt loại tốt.
- Có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên).
- Thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Sinh học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt; đạt từ 7,0 trở lên đối với các ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Điều dưỡng. Đối với ngành Dược học, thí sinh phải có điểm trung bình chung môn Hóa học trong 3 năm THPT đạt từ 8,0 trở lên.
- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

*** Học sinh xét tuyển theo cơ chế đặc thù của ĐHQGHN đạt một trong các tiêu chí tại mục 2.6.2.1 và 2.6.2.2 được bảo lưu kết quả khi xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN (trong thời gian 3 năm tính từ thời điểm đạt giải đến khi đăng ký xét tuyển). Giải thưởng thí sinh đạt được quy đổi sang Điểm cộng vào tổng điểm tổ hợp xét tuyển, cụ thể điểm quy đổi được quy định ở Bảng 1, Phụ lục I.**

**** Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025 phải dự thi lại các môn trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 được dùng để xét tuyển theo ngành học.**

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN
- Điểm trúng tuyển bằng điểm tổ hợp trong kỳ thi tốt nghiệp THPT (hoặc tổ hợp điểm quy đổi) + điểm cộng (nếu có) + điểm ưu tiên (nếu có). Xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành.
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Nhà trường sử dụng các tiêu chí phụ sau:
 - (1) Tiêu chí phụ 1: Xét điểm trúng tuyển theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.
 - (2) Tiêu chí phụ 2: Xét trúng tuyển theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường.
- Không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển;

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Năm 2025, Trường Đại học Y Dược tuyển sinh 6 ngành đào tạo theo các phương thức tuyển sinh sau:

TT	Mã xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7720101	7720101	Y khoa	260	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT Xét tuyển thẳng theo Điều 8, Quy chế TS Ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế TS Xét kết quả thi ĐGNL Xét tuyển đặc thù đối tượng HS đạt giải HSG cấp tỉnh Xét tuyển đặc thù đối tượng dự thi Olympic	
2.	7720201	7720201	Dược học	220		
3.	7720501	7720501	Răng Hàm Mặt	60		
4.	7720601	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	60		

5.	7720602	7720602	Kỹ thuật Hình ảnh Y học	60	ĐHQGHN Xét tuyển theo CC ngoại ngữ (IELTS) Xét tuyển hệ dự bị đại học	
6.	7720301	7720301	Điều dưỡng	60		

***Chỉ tiêu xét tuyển thẳng (theo Điều 8 quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)**

STT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1	Y khoa	5
2	Dược học	4
3	Răng Hàm Mặt	1
4	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	1
5	Kỹ thuật Hình ảnh Y học	1
6	Điều dưỡng	1
	Tổng	13

***Chỉ tiêu dự bị đại học:**

STT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1	Y khoa	5
2	Dược học	4
3	Răng Hàm Mặt	1
4	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	1

5	Kỹ thuật Hình ảnh Y học	1
6	Điều dưỡng	1
	Tổng	13

5. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

- **Chính sách ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh** áp dụng cho phương thức xét tuyển theo hướng dẫn của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT:

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực: khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

+ Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng: nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

+ Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số);

- Thí sinh đạt nhiều thành tích, có nhiều điểm cộng nhưng chỉ được tính 01 lần với mức điểm/thành tích cao nhất;

- **Sử dụng công thức sau đây để tính điểm ưu tiên và điểm cộng:**

+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên thí sinh được hưởng (ưu tiên khu vực, đối tượng)* = $[(30 - \text{tổng điểm đạt được của thí sinh})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành.}$

+ Điểm cộng (điểm thưởng) thí sinh được hưởng (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

- **Kiểm tra hồ sơ thí sinh trúng tuyển:** Khi thí sinh đến nhập học, Nhà trường sẽ tổ chức kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh, thí sinh phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của những thông tin đăng ký, Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

6. Tổ chức tuyển sinh

Trường Đại học Y Dược tổ chức xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2025 của Bộ GD&ĐT và kế hoạch tuyển sinh của ĐHQGHN

6.1. Thời gian tuyển sinh

- Thời gian đăng ký xét tuyển thẳng: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng từ 01/06/2025 đến 30/06/2025.
- Thời gian đăng ký xét tuyển của tất cả các phương thức (trừ phương thức kết quả thi THPT năm 2025) từ ngày 01/06/2025 đến hết 17h ngày 15/07/2025.
- Thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT: Theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

Lưu ý: Thời gian xét tuyển được cập nhật theo Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và được thông báo trên website chính thức của Trường Đại học Y Dược.

6.2. Hình thức tuyển sinh

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT: Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT
- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp của tất cả các phương thức (trừ phương thức kết quả thi THPT năm 2025) theo kế hoạch của Nhà trường, mẫu phiếu đăng ký quy định tại Phụ lục II.

6.3. Địa chỉ nộp hồ sơ (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện):

Phòng Đào tạo và Công tác HSSV, Trường ĐHYD, ĐHQGHN (Phòng 616, Nhà Y3, Số 2B, Phạm Văn Đồng, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội).

7. Chính sách ưu tiên

Trường Đại học Y Dược tổ chức thực hiện chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT và kế hoạch tuyển sinh của ĐHQGHN.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/ nguyện vọng.
 - Nộp trực tiếp tại Trường khi nộp Hồ sơ hoặc chuyển khoản
 - Tên tài khoản: Trường Đại học Y Dược
 - Số tài khoản: 2600780097
 - Ngân hàng BIDV chi nhánh Mỹ Đình
 - Nội dung chuyển khoản: [Họ tên-Ngày sinh-CCCD-hình thức xét tuyển]
- [Ví dụ: Nguyễn Văn A-20/5/2006-0245010004369-Xét tuyển ĐGNL]

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Y Dược cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo quy định pháp luật hiện hành, theo Quy

chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN, theo quy định của Trường Đại học Y Dược.

10. Các nội dung khác

a) Học phí, học bổng:

- Học phí: **6.200.000 đồng/tháng*10 tháng/năm** và theo văn bản quy định hiện hành (nếu có)
- Học bổng theo quy định hiện hành (nếu có)

b) Tỷ lệ sinh viên có việc làm (thống kê cho hai khóa tốt nghiệp gần nhất):

Nhóm ngành/ngành	Số SV tốt nghiệp	SV tốt nghiệp có việc làm	
<i>Nhóm ngành VI (Năm 2023)</i>		Số lượng(*)	Tỷ lệ
1.Ngành Y đa khoa	77	76	98.7%
2.Ngành Dược học	95	87	91.5%
3.Ngành Răng Hàm Mặt	36	33	91.6%
4.Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học	38	36	94.7%
5.Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	33	31	93.9%
<i>(Năm 2024)</i>			
1.Ngành Y đa khoa	117	116	99%
2.Ngành Dược học	93	90	97%
3.Ngành Răng Hàm Mặt	57	57	100%
4.Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học	43	40	93%

5.Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	39	33	85%
6.Ngành Điều dưỡng	51	45	88%

(*) Tính số SV có việc làm bao gồm cả số SV tiếp tục đi học nâng cao trình độ.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

T T	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành, nhóm ngành	Nhóm ngành	Năm 2024 (Ví dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm 2023 (Ví dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)		
					Chỉ tiê u	Số nhậ p học	Điểm trúng tuyển/Than g điểm xét	Chỉ tiê u	Số nhậ p học	Điểm trúng tuyển/Than g điểm xét
1.	772010 1	Y khoa	772010 1	Sức khỏe	220	232	27.15	200	203	26.75
2.	772020 1	Dược học	772020 1	Sức khỏe	200	201	25.10	180	172	24.35
3.	772050 1	Răng Hàm Mặt	772050 1	Sức khỏe	50	49	27.00	50	52	26.8
4.	772060 1	Kỹ thuật Xét nghiệ m Y học	772060 1	Sức khỏe	55	57	24.83	55	54	23.95
5.	772060 2	Kỹ thuật Hình ảnh Y học	772060 2	Sức khỏe	55	50	24.49	55	51	23.55

6.	772030 1	Điều dưỡng	772030 1	Sức khỏe	60	61	24.49	60	55	23.85
----	-------------	---------------	-------------	-------------	----	----	-------	----	----	-------

PHỤ LỤC I: THÔNG TIN ĐIỂM ƯU TIÊN VÀ QUY ĐỔI

Bảng 1: Bảng điểm ưu tiên

STT	Giải	Giải cấp quốc gia (theo Quy chế Bộ GD&ĐT)	Giải Olympic bậc THPT cấp ĐHQGHN	Giải học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN	Giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương
1	Nhất	3 điểm	2.5 điểm	2.5 điểm	2.5 điểm
2	Nhì	2.5 điểm	2.0 điểm	2.0 điểm	2.0 điểm
3	Ba	2.0 điểm	1.5 điểm	1.5 điểm	1.5 điểm
4	Khuyến khích	1.5 điểm	-	-	-

Thí sinh đạt nhiều thành tích, có nhiều điểm cộng nhưng chỉ được tính 01 lần với mức điểm/thành tích cao nhất.

Bảng 2: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh sang thang điểm 10

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5.5	72-78	8,5
2	6.0	79-87	9,0
3	6.5	88-95	9,5

4	7.0-9.0	96-120	10
---	---------	--------	----

PHỤ LỤC II: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

STT	Tên, nội dung biểu mẫu	Ký hiệu mẫu	Ghi chú
1	Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT	TS-01/XTT	TẢI VỀ BIỂU MẪU TẠI ĐÂY
2	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2025 (dùng cho thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức)	TS-02/ĐGNL	
3	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2025 (dùng cho thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	TS-03/XTCC	
4	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2025 (dùng cho thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển Olympic bậc THPT của ĐHQGHN)	TS-04/OLP	

5	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2025 (dùng cho thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển Học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN, cấp tỉnh, thành phố)	TS-05/HSG	
6	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2025 (dùng cho thí sinh Dự bị đại học)	TS-06/DBĐT	